

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số: 138/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 1983

NGHỊ QUYẾT

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 138/HĐBT NGÀY 19-11-1983

VỀ CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CHO

ĐỊA PHƯƠNG

Chế độ phân cấp quản lý ngân sách ban hành từ năm 1967 đã có tác dụng nhất định trong việc đề cao trách nhiệm và phát huy quyền chủ động của địa phương trong công tác quản lý kinh tế, tài chính và ngân sách. Song, trước yêu cầu cải tiến kế hoạch hoá và quản lý kinh tế hiện nay, chế độ đó còn có điểm mang tính chất tập trung quan liêu, gò bó, bao cấp, mặt khác lại có điểm chưa đủ chặt chẽ, chưa bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính Nhà nước. Nghị quyết hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ rõ: "Phải thực hiện thống nhất quản lý tài chính. Mọi khoản thu chi phải theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước và phản ánh đầy đủ vào ngân sách. Trong tình hình nguồn tài chính của Nhà nước có hạn, phải tập trung đại bộ phận vào ngân sách trung ương. Địa phương được chủ động cân đối và quản lý ngân sách địa phương, nhưng phải báo cáo đầy đủ lên trung ương". Việc cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách lần này nhằm thực hiện những yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương về các chính sách, chế độ thu chi tài chính và tập trung đại bộ phận nguồn tài chính vào ngân sách trung ương để đáp ứng những nhu cầu chi quan trọng của cả nước.
- Đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố, đặc khu, huyện, quận, xã, phường, dưới đây gọi tắt là tỉnh, huyện, xã) trong việc phát triển kinh tế, văn hoá và động viên các nguồn tài chính trên lãnh thổ, đồng thời dành cho địa phương quyền chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách địa phương nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương và cải thiện đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân địa phương.

Dưới đây là những quy định cụ thể.

I. NHIỆM VỤ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

A. NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐẢM NHIỆM CÁC KHOẢN CHI SAU ĐÂY:

1. Vốn đầu tư cơ bản để tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tạo ra cơ cấu kinh tế mới theo ngành và theo địa phương.
2. Chi quốc phòng và an ninh.
3. . Chi về ngoại giao, viện trợ và trả nợ nước ngoài.
4. Chi cho việc thực hiện chính sách đối với công nhân, viên chức và quân nhân về hưu, mất sức lao động, thương binh, thân nhân liệt sĩ và những gia đình có công với cách mạng.
5. Trợ cấp ngân sách cho những địa phương mà nguồn thu chưa đủ bảo đảm nhiệm vụ chi; trợ cấp cho những vùng bị thiên tai, địch họa mà ngân sách địa phương không đủ sức trang trải; trợ cấp cho ngân sách địa phương trong trường hợp gặp khó khăn vì những nguyên nhân khách quan không thể khắc phục được.
6. Chi về sự nghiệp kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật, y tế, xã hội, thể dục thể thao do các ngành trung ương quản lý.
7. Chi cho bộ máy quản lý Nhà nước cấp trung ương; trợ cấp cho ngân sách của Đảng; trợ cấp cho các đoàn thể cấp trung ương; chi bù giá các mặt hàng cung cấp cho công nhân, viên chức (và người ăn theo) thuộc diện trung ương quản lý (ủy nhiệm cho địa phương chi).
8. Bỏ sung vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh trung ương; bù lỗ cho các xí nghiệp này trong trường hợp lỗ theo chính sách.

B. NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM CẢ BA CẤP TỈNH HUYỆN, XÃ) ĐẢM NHIỆM CÁC KHOẢN CHI SAU ĐÂY:

1. Vốn đầu tư cơ bản nhằm xây dựng những công trình kinh tế, văn hoá của địa phương mà kế hoạch phân phối vốn tập trung của trung ương chưa bao quát hết, bằng các nguồn sau đây:
 - Vốn tạo ra do phát triển kinh tế địa phương và do tăng thu, tiết kiệm chi.
 - Kết dư của ngân sách địa phương.

- Vốn do nhân dân đóng góp theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.
- Vốn vay ngân hàng
- Vốn do xí nghiệp quốc doanh (trung ương và địa phương) đóng góp bằng quỹ phúc lợi.
- Thu về xổ số kiến thiết.

2. Chi về sự nghiệp kinh tế văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật, y tế, xã hội, thể dục thể thao ở địa phương; bảo dưỡng, sửa chữa nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng; bảo đảm vệ sinh công cộng ở các thành phố, thị xã, thị trấn.

3. Chi cho bộ máy quản lý Nhà nước ở địa phương; trợ cấp cho các đoàn thể ở địa phương; chi bù giá các mặt hàng cung cấp cho công nhân, viên chức (và người ăn theo) thuộc diện địa phương quản lý.

4. Chi cho công tác dân quân du kích và tuyển quân.

5. Bỏ sung vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh địa phương; bù lỗ cho các xí nghiệp này trong trường hợp lỗ theo chính sách.

II. NGUỒN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CƠ CHẾ HÌNH THÀNH CÁC NGUỒN THU ẤY

A. CÁC KHOẢN THU THEO CHẾ ĐỘ CHUNG:

1. 100% thu khấu hao cơ bản, hoàn vốn lưu động thừa và tiền bán tài sản thải loại của các xí nghiệp quốc doanh địa phương.
2. 100% thu về sự nghiệp, lệ phí mà địa phương được thu theo chế độ Nhà nước quy định.
3. 100% thu về khuyến khích giao nộp nông, lâm, thủy, hải sản (quy định ở mục III dưới đây).
4. 100% thu về xổ số kiến thiết.
5. 80% lợi nhuận của các xí nghiệp quốc doanh địa phương (bao gồm cả lãi hàng xuất nhập khẩu địa phương).
6. 80% thu quốc doanh của các xí nghiệp quốc doanh địa phương (bao gồm cả chênh lệch giá của các xí nghiệp địa phương kinh doanh thương nghiệp, vật tư).
7. 10% lợi nhuận của các xí nghiệp quốc doanh trung ương đóng tại địa phương.

8. 5% thu quốc doanh của các xí nghiệp quốc doanh trung ương đóng tại địa phương.
9. 20% quỹ phúc lợi của các xí nghiệp quốc doanh trung ương đóng tại địa phương (chủ yếu để góp phần xây dựng những công trình phúc lợi tại nơi xí nghiệp đóng).
10. 40% thuế nông nghiệp, tính bằng tiền (trong đó, tiếp tục dành cho ngân sách xã 10%).
11. 40% thuế công thương nghiệp.

B. CÁC KHOẢN THU ĐIỀU TIẾT BỔ SUNG:

Đối với một số tỉnh có nguồn thu tương đối hạn chế, nhu cầu chi tương đối nặng, sau khi đã dự tính khai thác hết các khoản thu theo chế độ chung mà vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu chi theo đúng chính sách, chế độ Nhà nước quy định thì trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương bằng cách tăng tỷ lệ điều tiết các khoản thu sau đây:

- Thuế công thương nghiệp,
- Thuế nông nghiệp
- Lợi nhuận của các xí nghiệp quốc doanh địa phương.
- Thu quốc doanh của các xí nghiệp quốc doanh địa phương.

Tỷ lệ điều tiết bổ sung được giữ ổn định từ nay đến năm 1985.

C. TRỢ CẤP CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG.

Trường hợp đặc biệt, sau khi đã điều tiết bổ sung đến mức tối đa (100%) các khoản thu nói ở điểm B mà vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu chi thì ngân sách trung ương trợ cấp cho ngân sách địa phương một khoản tiền nhất định đủ bù vào số thiếu hụt đó. Khoản trợ cấp này mỗi năm xét một lần và thông báo cho địa phương từ đầu năm.

D. VỐN ĐẦU TƯ CƠ BẢN TẬP TRUNG DO TRUNG ƯƠNG PHÂN PHỐI CHO ĐỊA PHƯƠNG THEO MỤC TIÊU (THEO DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOẶC THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG)

III. THU VỀ KHUYẾN KHÍCH GIAO NỘP NÔNG, LÂM, THỦY, HẢI SẢN

Nhằm tạo cho các địa phương chuyên về nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề cá, nghề muối có nguồn thu ổn định và khuyến khích các địa phương đẩy mạnh sản xuất, thu mua và giao nộp

nông, lâm, thủy, hải sản để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nay đặt khoản thu của ngân sách địa phương về khuyến khích giao nộp nông, lâm, thủy, hải sản (bao gồm cả lương thực, thực phẩm cung cấp tại chỗ cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, nguyên liệu cung ứng cho các xí nghiệp chế biến quốc doanh và thành phẩm chế biến từ nông, lâm, thủy, hải sản như đường, mật, chè, nước mắm, v.v...) gọi tắt là khoản thu về giao nộp nông sản.

Khoản thu này tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị sản phẩm giao nộp lên cấp trên. Sản phẩm dù mua theo giá chỉ đạo hay giá khuyến khích, khi tính khoản thu về giao nộp nông sản, đều tính theo giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước quy định cho địa phương đó. Sản phẩm giao nộp được hưởng khoản thu này không bao gồm số thóc hoặc hiện vật khác thuộc về thuế nông nghiệp, thuế lợi phí, công cày máy và thuốc trừ sâu.

Ngân sách xã được thu 5% trên giá trị sản phẩm giao nộp, không kể là giao nộp cho huyện, tỉnh hay trung ương.

Ngân sách huyện được thu 5% trên giá trị sản phẩm giao nộp, không kể là giao nộp cho tỉnh hay trung ương, giao nộp từ huyện hay giao nộp thẳng từ xã.

Ngân sách tỉnh được thu 5% trên giá trị sản phẩm giao nộp cho trung ương, không kể là giao nộp từ tỉnh hay giao nộp thẳng từ huyện, xã. Đối với sản phẩm giao nộp để xuất khẩu, ngân sách tỉnh được thu thêm 5% (cộng lại là 10%) trên giá trị sản phẩm giao nộp.

Giao nộp vượt kế hoạch (hoặc ngoài kế hoạch) cho trung ương thì ngân sách tỉnh được thu thêm 10% trên giá trị sản phẩm giao nộp vượt kế hoạch (cộng lại là 15% nếu là hàng tiêu dùng nội địa và 20% nếu là hàng xuất khẩu). Việc xét thưởng cho những huyện, xã giao nộp vượt kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Khoản thu về giao nộp nông sản do cơ quan thu mua trực tiếp thanh toán cho ngân sách địa phương, cơ quan tài chính cùng cấp hoàn trả lại cho cơ quan thu mua.

Khoản thu về khuyến khích giao nộp một số nông, lâm sản quy định trước đây, từ nay thống nhất theo quy định mới.

Tiền nuôi rừng quy định trước đây, từ nay giao cho địa phương thu để dùng vào mục đích trồng cây gây rừng, tu bổ, cải tạo, quản lý và bảo vệ rừng...

Sản phẩm giao nộp cho trung ương để sản xuất sang các nước xã hội chủ nghĩa (bao gồm cả giao nộp trong kế hoạch, vượt kế hoạch và ngoài kế hoạch) từ nay thống nhất hưởng khoản